

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 11-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 932/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 1018/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th (S); địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Kh, phường, Quận, TP. H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Vân T (Theo giấy ủy quyền số 37/2019/GUQ-CNHP ngày 02/01/2019); có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Ông Đặng Ngọc D; trú tại: Tổ 53, Khu 6, phường Q, quận K, thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 05/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Sài G tín trình bày:*

Ngày 06/5/2016 ông Đặng Ngọc D có ký với SacomBank Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của SacomBank). Căn cứ vào thu nhập của ông D, SacomBank đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480 – 5616, hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông D đã sử dụng thẻ từ ngày 17/5/2016 đến ngày 31/5/2018, do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D. Trong thời gian sử dụng thẻ ông D đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 21.590.000 đồng; ngoài ra ông D còn phải chịu các khoản phí 2.349.987 đồng và lãi trong hạn là 8.655.748 đồng. Tổng số tiền ông D phải thanh toán tính đến ngày 31/5/2018 là 31.995.735 đồng. Tổng số tiền ông D đã thanh toán trả SacomBank từ khi sử dụng thẻ đến nay là 15.535.000 đồng, (trong đó thanh toán tiền ông D đã sử dụng thẻ để giao dịch là 7.167.601 đồng, các khoản phí là 1.708.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 6.659.399 đồng); số tiền còn nợ là 16.460.735 đồng (Trong đó 14.422.399 đồng là tiền giao dịch, 641.987 đồng là tiền các loại phí, 1.396.349 đồng là tiền lãi trong hạn). Từ ngày 31/5/2018 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn; tính đến ngày 10/9/2020 ông Đặng Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn là 17.139.808 đồng.

Mặc dù S đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông D, yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời S cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông D trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán cho S, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của S, S yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Ngọc D phải trả cho S số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là 33.600.543 đồng, trong đó: Nợ gốc là 14.422.399 đồng, các khoản phí 641.987 đồng, lãi trong hạn là 1.396.349 đồng, lãi quá hạn là 17.139.808 đồng. Ông Đặng Ngọc D có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2020 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các loại văn bản đúng quy định, ông Đặng Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đặng Ngọc D không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được; ông D cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Dương vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/7/2020 Công an phường Q, quận K, thành phố H cung cấp: Ông Đặng Ngọc D có đăng ký hộ khẩu thường trú và ở cùng bố mẹ tại tổ 53, khu 6, phường Q, quận K, thành phố H; ông D đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà, về địa phương nơi đăng ký hộ khẩu.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư

ký phiên tòa, nguyên đơn về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 280, 281, 290, 302, 389, 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 90, 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th. Buộc ông Đặng Ngọc D phải trả Ngân hàng TMCP S Th tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là 33.600.543 đồng, trong đó: Nợ gốc là 14.422.399 đồng, các khoản phí 641.987 đồng, lãi trong hạn là 1.396.349 đồng, lãi quá hạn là 17.139.808 đồng. Ông D phải tiếp tục trả lãi theo quy định. Ông D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

[1] Ngày 21/01/2020 S đã nộp đơn khởi kiện ông Đặng Ngọc D vì đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết ngày 06/5/2016. Yêu cầu của S làm phát sinh quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đặng Ngọc D, trú tại quận K, thành phố H. Tranh chấp này được Tòa án nhân dân quận K thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Thời hiệu khởi kiện:*

[2] Do các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện; căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này

*- Về tư cách tham gia tố tụng:*

[3] Do ông Đặng Ngọc D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S khởi kiện yêu cầu ông Đặng Ngọc D phải thanh toán các khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà S và ông Đặng Ngọc D đã ký kết. Do vậy Sacombank tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, ông Đặng Ngọc D tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

*- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:*

[4] Bị đơn là ông Đặng Ngọc D đã được thông đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Ngọc D.

*- Nội dung tranh chấp của vụ án:*

[5] Ngày 05/5/2016 ông Đặng Ngọc D có lập giấy đề nghị S cấp thẻ tín dụng. Ngày 06/5/2016 S đã tiếp nhận hồ sơ và đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử

dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,5%, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 30. Ngày 16/5/2016 ông Đặng Ngọc D xác nhận đã nhận được số mật mã cho thẻ và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ. Số thẻ của ông D là 356480 – 5616. ông D đã sử dụng thẻ từ ngày 17/5/2016 đến ngày 31/5/2018 do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D. Trong thời gian sử dụng thẻ ông D đã sử dụng tiền trong thẻ để giao dịch là 21.590.000 đồng; ngoài ra ông D còn phải chịu các khoản phí 2.349.987 đồng và lãi trong hạn là 8.655.748 đồng. Tổng số tiền ông D phải thanh toán tính đến ngày 31/5/2018 là 31.995.735 đồng. Tính từ ngày sử dụng thẻ đến nay ông D đã thanh toán số tiền là 15.535.000 đồng, (trong đó thanh toán tiền gốc là tiền ông D đã sử dụng tiền trong thẻ để giao dịch là 7.167.601 đồng, các khoản phí là 1.708.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 6.659.399 đồng); số tiền còn nợ là 16.460.735 đồng (Trong đó 14.422.399 đồng là tiền sử dụng thẻ giao dịch, 641.987 đồng là tiền các loại phí, 1.396.349 đồng là tiền lãi trong hạn). Từ ngày 31/5/2018 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn; tính đến ngày 10/9/2020 ông Đặng Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn là 17.139.808 đồng. S yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Ngọc D phải trả cho S số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là 33.600.543 đồng, trong đó: Nợ gốc là 14.422.399 đồng, các khoản phí 641.987 đồng, lãi trong hạn là 1.396.349 đồng, lãi quá hạn là 17.139.808 đồng. Ông Đặng Ngọc D có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2020 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đặng Ngọc D không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai và ông D cũng không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*- Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th với ông Đặng Ngọc D ngày 06/5/2016:*

[7] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã thể hiện được các nội dung thông tin về người đề nghị cấp thẻ, hạn mức tín dụng mà người đề nghị cấp thẻ mong muốn; S đã tiếp nhận hồ sơ và đã phê duyệt hạn mức tín dụng đối với đề nghị của ông D. Việc đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông D và việc cấp thẻ tín dụng của S được thực hiện trên tinh thần tự nguyện; hình thức, nội dung, mục đích của giao dịch này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy giao dịch này là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

*- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền đã sử dụng, các khoản phí và lãi trong hạn là 16.460.735 đồng :*

[8] Ông D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như quy định của S, ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. S khởi kiện, yêu cầu ông D phải thanh toán khoản nợ gốc, các khoản phí và lãi khi sử dụng thẻ tín dụng đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và đã được S quy định điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, phù hợp quy định tại các điều 121, 122, 280, 281, 290, 302, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự

năm 2005, khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng nên yêu cầu của S buộc ông D phải thanh toán trả số tiền ông D đã sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch, các khoản phí và lãi khi sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày 16/5/2016 đến ngày 31/5/2018 là 16.460.735 đồng (Trong đó 14.422.399 đồng là tiền sử dụng thẻ giao dịch, 641.987 đồng là tiền các loại phí, 1.396.349 đồng là tiền lãi trong hạn) cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi quá hạn là 17.139.808 đồng:

[9] Từ ngày 31/5/2018 toàn bộ dư nợ còn thiếu là 16.460.735 đồng chuyển sang quá hạn; do vậy S yêu cầu ông D phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 31/5/2018 đến ngày 10/9/2020 là 17.139.808 đồng phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cần được chấp nhận.

- Về án phí:

[10] Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Sacombank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là ông Đặng Ngọc D phải chịu án dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

[11] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 280, 281, 290, 302, 389, 471, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 90, 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th:

Buộc ông Đặng Ngọc D phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2020 là 33.600.543 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 14.422.399 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn ba trăm chín mươi chín đồng), các khoản phí là 641.987 đồng (Sáu trăm bốn mươi một nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), lãi trong hạn là 1.396.349 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm bốn

mười chín đồng), lãi quá hạn là 17.139.808 đồng (Mười bảy triệu một trăm ba mươi chín nghìn tám trăm linh tám đồng).

Kể từ ngày 11/9/2020 ông Đặng Ngọc D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/5/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông Đặng Ngọc D phải chịu 1.680.027 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 630.000 đồng (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007623 ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Đặng Ngọc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TANDTP H;
- VKSND quận K ;
- Chi cục THA dân sự quận K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Chính    Vũ Văn Lầy**

**Nguyễn Thị Lan Hương**